TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ N** **TỈNH T**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 24/2023/QĐST- HNGĐ	*N, ngày 07 tháng 2 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 10/2023/TLST - HNGĐ ngày 12/01/2023, giữa:

- Anh Trần Đình T - Sinh năm: 1984

- Bị đơn: Chị Lâm Thị Th – Sinh năm: 1983

Cùng địa chỉ: Thôn Quế Lam, xã Các Sơn, thị xã N, T;

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 30 tháng 01 năm 2023,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 30/01/2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

- Nguyên đơn: Anh Trần Đình T - Sinh năm: 1984

Địa chỉ: Thôn Quế Lam, xã Các Sơn, thị xã N, tỉnh T;

- Bị đơn: Chị Lâm Thị Th – Sinh năm: 1983

Địa chỉịa chỉ: Thôn Quế Lam, xã Các Sơn, thị xã N, T;

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về Hôn nhân**:** Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Trần Đình T và chị Lâm Thị Th;

- Về Con chung**:** Anh T và chị Th thống nhất vợ chồng có 03 con chung là cháu Trần Phương Linh - Sinh ngày 29 tháng 5 năm 2011, cháu Trần Đình Khải Anh - Sinh ngày 04/5/2015, cháu Trần Ngọc Diệp - Sinh ngày 16 tháng 6 năm 2020,

Anh T và chị Th thống nhất giao Trần Phương Linh, cháu Trần Đình Khải Anh, cháu Trần Ngọc Diệp cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 1.500.000đ/1 cháu, 03 cháu mỗi tháng là 4.500.000đ (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng) cho đến khi các cháu thành niên. Thời gian cấp dưỡng nuôi con tính từ tháng 2/2023.

Anh T được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

- Về Tài sản và công nợ**:** Anh T và chị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí**:** Anh Trần Đình T phải nộp 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

Công nhận sự thỏa thuận của anh T và chị Th, anh T nộp tiền án phí HNGĐ sơ thẩm là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng). Số tiền này được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh T đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số AA/2021/0012429 ngày 12/01/2023, tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã N, tỉnh T.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7,7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *Đương sự;*
- *TAND tỉnh T;*
- *Viện kiểm sát nhân dân thị xã N;*
- *UBND xã Các Sơn;*
- *Chi cục THADS thị xã N;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

THẨM PHÁN

Mai Đình Thuận